

Số: /BC-THTM

Tiên Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Về việc công khai các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025

Kính gửi: Phòng Giáo dục & Đào tạo Tiên Lãng.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định về thực hiện công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 462/GDĐT ngày 13/9/2024 của Phòng GD&ĐT Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024-2025;

Trường Tiểu học Tiên Minh đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo thường niên năm 2024 cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị:

Trường Tiểu học Tiên Minh - huyện Tiên Lãng- TP Hải Phòng

2. Địa điểm trụ sở chính:

Thôn Đông Ninh, xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

Địa chỉ thư điện tử: tl-thtienminh@haiphong.edu.vn.

Website: <https://thtienminh.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình:

Trường Tiểu học công lập. Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao. Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Quá trình thành lập: Trường Tiểu học Tiên Minh nằm trên địa bàn Tiên Minh gồm 3 điểm trường, khu điểm trường Trung tâm nằm trên địa bàn thôn Đông Ninh,

xã Tiên Minh, khu điểm trường 2 thuộc địa bàn thôn Tự Tiên, xã Tiên Minh và điểm trường 3 nằm trên thôn Duyên Lão, xã Tiên Minh. Tổng diện tích cả 3 điểm trường là 6194 m².

Trường được chia tách từ trường Phổ thông cơ sở Tiên Minh từ ngày 01 tháng 9 năm 1988 thành trường Phổ thông cấp 1 Tiên Minh.

Trường Tiểu học Tiên Minh là trường công lập do UBND huyện Tiên Lãng thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chỉ thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Tiên Minh.

Xây dựng phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật Người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Phạm Văn Bấy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Ninh, xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng.

Số điện thoại: 0788.288.768

7. Tổ chức bộ máy.

a. Quyết định thành lập trường

Trường được thành lập theo Quyết định số 845/QĐ-UB ngày 01/9/1988 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách Phổ thông cơ sở Tiên Minh thành 2 trường: trường phổ thông cấp I Tiên Minh và trường phổ thông cấp II Tiên Minh;

b. Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 về kiện toàn Hội đồng trường Tiểu học Tiên Minh nhiệm kỳ 2020 -2025 và danh sách thành viên hội đồng trường.

Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Bấy	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	
2	Ngô Văn Hưng	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch CB	
3	Phan Đức Chúc	Phó Chủ tịch UBND xã Tiên Minh	
4	Vũ Thị Hoạt	Tổ trưởng tổ 1	
5	Nguyễn Thị Minh Tâm	Tổ trưởng tổ 2	

6	Lưu Thị Huế	Tổ trưởng tổ 3, Trưởng ban TTND	
7	Phạm Thị Vân	Tổ trưởng tổ 4	
8	Phạm Văn Tráng	Tổ trưởng tổ 5	
9	Phạm Thị Tình	Tổ trưởng Tổ VP	
10	Vũ Văn Phương	Trưởng ban đại diện CMHS trường	

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng.

* Quyết định Hiệu trưởng.

Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND huyện Tiên Lãng về việc bổ nhiệm lại có thời hạn ông Phạm Văn Bẩy giữ chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Tiên Minh.

* Quyết định Phó Hiệu trưởng.

Quyết định số 2831/QĐ-UBND ngày 26/09/2024 về việc điều động, bổ nhiệm có thời hạn ông Ngô Văn Hưng, phó Hiệu trưởng trường TH Tiên Minh;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động

* Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Tiên Minh

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của nhà nước.

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh.

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường được thành lập theo Quyết định số 845/QĐ-UB ngày 01/9/1988 của UBND huyện Tiên Lãng về chia tách Phổ thông cơ sở Tiên Minh thành 2 trường: trường phổ thông cấp I Tiên Minh và trường phổ thông cấp II Tiên Minh

Trường Tiểu học Tiên Minh là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

* Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

+ 01 Hội đồng trường với 10 thành viên.

+ 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.

+ 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

+ Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

+ Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 22 đảng viên.

+ Tổ chức Công đoàn có 37 công đoàn viên.

+ Tổ chức Đoàn đội: có 13 lớp sao nhi đồng và 9 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS.

+ Các tổ chuyên môn: 05 tổ chuyên môn và 01 tổ VP

đ) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Thư điện tử
1	Phạm Văn Bầy	Hiệu trưởng	0788288768	phamvanbay73@gmail.com
2	Ngô Văn Hưng	Phó Hiệu trưởng	0906175537	hungthuy1975@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Ninh, xã Tiên Minh, Huyện Tiên Lãng, Hải Phòng
Số điện thoại: 0788288768

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số 101/QĐ-THTM ngày 17/10/2024 về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” năm học: 2024-2025.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)				Ghi chú	
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tốt	Khá	Đạt		Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38	0	0	34	01	02	01	02	15	10	01	23	11	0	0	04 GV, NV HĐ
I	Giáo viên	32	0	0	31	0	01	0	02	15	10	0	21	10	0	0	03 GV HĐ
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	06	0	0	05	0	1	0	0	03	01	01	3	3	0	0	01 GV mới HĐ
1	Tiếng dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Ngoại ngữ	03	0	0	03	0	0	0	0	02	0	0	02	01	0	0	01 GV HĐ
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Âm nhạc	03	0	0	03	0	0	0	0	01	01	0	01	01	0	0	1GV mới HĐ
5	Mỹ thuật	01	0	0	0	0	1	0	0	0	0	01	0	01	0	0	
6	Thể dục	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
																
II	Cán bộ quản lý	02	0	0	02	0	0	0	0	02	0	0	01	01	0	0	
1	Hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	0	01	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	01	0	0	01	0	0	0	0	01	0	0	01	0	0	0	

III	Nhân viên	04	0	0	01	01	01	01									
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	01	0	0									
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	01	0	0	0									
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0									
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0									
5	Nhân viên thư viện	01	0	0	0	0	01	0									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0	0	0	0	0	0	0									
7	Nhân viên công nghệ thông tin	0	0	0	0	0	0	0									
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0	0	0	0	0	0	0									
9	Bảo vệ	01	0	0	0	0	0	01									

2. Số lượng, tỷ lệ GV, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)

Tổng số cán bộ quản lý và giáo viên: 34 Trong đó BC: 31; HĐH: 03 (trong đó có 02 GV mới hợp đồng từ 01/6/2025)

Kết quả tự đánh giá: (32/34 người tự đánh giá)

Tốt: $22/33 = 66.7\%$; Khá $11/33 = 33,3\%$; Đạt: $0 = 0\%$.

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 100% trong đó BGH: 02, GV: 30/32 (02 GV mới HĐ từ 01/6/2025)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp		Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
2	Phòng học kiên cố	24	2,17
2	Phòng học bán kiên cố	6	6,13
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ, mượn	0	0
III	Số điểm trường	3	

IV	Tổng diện tích đất (m²)	6194	10,1
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2518	4,1
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1510	2,46
2	Diện tích thư viện (m ²)	54	0,08
3	Diện tích phòng GDTC hoặc nhà đa năng (m ²)	0	0
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	92	0,15
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	84	0,137
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	42	0,68
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	0	0
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	0
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	18
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị : bộ)		Ghi chú
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	4	Theo CTPT 2018
1.2	Khối lớp 2	4	Có 1 số đồ dùng theo CTPT 2018
1.3	Khối lớp 3	4	Có 1 số đồ dùng theo CTPT 2018
1.4	Khối lớp 4	4	Có 1 số đồ dùng theo CTPT 2018
1.5	Khối lớp 5	4	Có 1 số đồ dùng theo CTPT 2018
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	4	Theo CTPT 2018
2.3	Khối lớp 3	4	Theo CTPT 2018
2.4	Khối lớp 4	4	Theo CTPT 2018

2.5	Khôi lớp 5	5	Theo CTPT 2018
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	22	
2	Màn hình tương tác	0	
3	Máy soi vật thể	2	

X	Nhà bếp	64
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	00	03	00	0.1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	00	00	00	00	00

(*Theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

*** Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

Khối lớp 1

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 1	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 1 (Phonics - Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	

Khối lớp 2

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mỹ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tố Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 2 (Phonics-Smart)	Nguyễn Thu Hiền (Chủ biên), Quản Lê Duy.	NXB ĐH Quốc gia Thành phố HCM	

Khối lớp 3

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hào Tâm	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Than (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 3 (Wonderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	Bình Minh Group

Khối lớp 4

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hào Tâm.		
Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	NXBGD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 4 (Worlderful World)	Nguyễn Thu Lệ Hằng (Chủ biên), Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh.	NXB Đại học Sư phạm	

Khối lớp 5

Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.		
Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Mĩ thuật 5	Đình Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thủy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
Tiếng Anh 5 (Wonderful World)	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (Chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm	

*** Danh mục xuất bản phẩm tham khảo**

Stt	Tên xuất bản phẩm	Tác giả	Nhà xuất bản	Đối tượng sử dụng
1	Tập viết 1 (tập 1, tập 2)	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Thị Kim Chung.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
2	Vở bài tập Toán 1 (tập 1, tập 2).	Lê Anh Vinh, Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương; Nguyễn Minh Hải, Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
3	Vở bài tập Tiếng Việt 1 (tập 1, tập 2)	Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Hảo Tâm	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 1
4	Vở bài tập Tiếng Việt 2 (tập 1; tập 2)	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
5	Vở bài tập Toán 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
6	Tập Viết 2, tập 1	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên); Trần Thị Hiền Lương; Vũ Thị Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2

7	Tập Viết 2, tập 2	Bùi Mạnh Hùng (chủ biên); Trần Thị Hiền Lương; Đặng Thị Hảo Tâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 2
8	Tập Viết 3 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên); Phạm Kim Chung;	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên và học sinh lớp 3
9	Vở bài tập Toán 3 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 3
10	Vở bài tập Tiếng Việt 3 (tập 1; tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Thị Phương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 3
11	Vở toán 4 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (chủ biên) Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 4
12	Vở Tiếng Việt 4 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 4
13	Vở toán 5 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Lê Anh Vinh (chủ biên) Nguyễn Áng, Hoàng Mai Lê, Phùng Như Thụy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 5
14	Vở Tiếng Việt 5 dành cho buổi 2 (tập 1, tập 2)	Trần Thị Hiền Lương (chủ biên), Phạm Thị Chín, Xuân Thị Nguyệt Hà, Đào Tiến Thi	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Giáo viên lớp 5
15	Vở tập Tiếng Anh Phonics-Smart lớp 1	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quán Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh	Giáo viên TA và học sinh lớp 1
16	Vở tập Tiếng Anh Phonics-Smart lớp 2	Nguyễn Thu Hiền (chủ biên), Quán Lê Duy	ĐH QG TP Hồ Chí Minh	Giáo viên TA và học sinh lớp 2

17	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 3	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh, Trần Thị Anh Thư	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 3
18	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 4	Nguyễn Thu Lệ Hằng (chủ biên) Nguyễn Mai Phương, Phạm Thanh Thủy, Trần Hoàng Anh	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 4
19	Vở tập Tiếng Anh Wonderful World lớp 5	Nguyễn Vũ Quỳnh Như (chủ biên), Trần Thị Thảo Phương, Đặng Thị Cẩm Tú, Trần Thị Thu Sương	NXB Đại học Sư phạm	Giáo viên TA và học sinh lớp 5

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Cụ thể: 1. Đánh giá tiêu chí mức 1,2

Đánh giá tiêu chí mức 1, 2

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Không đạt	Mức 1	Mức 2
Tiêu chuẩn 1	0	10	9
Tiêu chí 1.1	0	x	0
Tiêu chí 1.2	0	x	x
Tiêu chí 1.3	0	x	x
Tiêu chí 1.4	0	x	x
Tiêu chí 1.5	0	x	x
Tiêu chí 1.6	0	x	x
Tiêu chí 1.7	0	x	x

Tiêu chí 1.8	0	x	x
Tiêu chí 1.9	0	x	x
Tiêu chí 1.10	0	x	x
Tiêu chuẩn 2	0	4	4
Tiêu chí 2.1	0	x	x
Tiêu chí 2.2	0	x	x
Tiêu chí 2.3	0	x	x
Tiêu chí 2.4	0	x	x
Tiêu chuẩn 3	0	6	3
Tiêu chí 3.1	0	x	Chưa đạt
Tiêu chí 3.2	0	x	x
Tiêu chí 3.3	0	x	Chưa đạt
Tiêu chí 3.4	0	x	x
Tiêu chí 3.5	0	x	Chưa đạt
Tiêu chí 3.6	0	x	x
Tiêu chuẩn 4	0	2	2
Tiêu chí 4.1	0	x	x
Tiêu chí 4.2	0	x	x
Tiêu chuẩn 5	0	5	5
Tiêu chí 5.1	0	x	x
Tiêu chí 5.2	0	x	x
Tiêu chí 5.3	0	x	x
Tiêu chí 5.4	0	x	x
Tiêu chí 5.5	0	x	x

Kết quả: Đạt mức 1

2. Kết luận: Trường đạt mức 1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 30/KH-THTM ngày 14/6/2024 của trường Tiểu học Tiên Minh)

Đối tượng tuyển sinh: Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) ở xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Chỉ tiêu tuyển sinh: Số lớp: 04 lớp - Số HS: 111 học sinh

Thời gian tuyển sinh:

Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến: từ ngày 08/7/2024 đến hết 20/7/2024

Tuyển sinh bằng hình thức trực tiếp: từ 22/7/2024 đến hết ngày 28/7/2024.

Kết quả tuyển sinh: Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh 4 lớp với tổng số học sinh là: 111 em

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025.

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	613	112	125	113	140	123
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	613	112	125	113	140	123
III	Số học sinh khuyết tật học hòa nhập	9	2	0	2	3	2
IV	Số HS chia theo kết quả giáo dục						
1	Hoàn thành xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	182 = 29.6%	43 = 38.3%	41 = 32.8%	33 = 29.2%	35 = 25 %	30 = 24.3%
2	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	214 = 34.9 %	38 = 33.9%	39 = 31.2%	40 = 35.3%	50 = 35.7%	47 = 38.2%
3	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	213 = 34.74%	28 = 25%	44 = 35.2%	40 = 35.3%	55 = 39.2%	46 = 37.3%
4	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	04 (0.6%)	3 (2.6%)	1 (0.8%)	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Số HS hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	609 = 99,3%	109 = 97.3%	124 = 99.2%	113 = 100%	140 = 100%	123 = 100%

	HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	396 = 64.6%	81 = 72.3%	80 = 64%	73 = 64.6%	85 = 60.7%	77 = 62.6%
	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	104	18	16	21	29	20
2	Số HS chưa hoàn thành chương trình lớp học (tỷ lệ so với tổng số)	4	3	1	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính năm học 2024-2025

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	QUYẾT TOÁN THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí (nếu có)				
1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
1.2	Mức thu				
1.3	Tổng số thu trong năm				
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng([3])				
1.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Bổ sung chi lương				
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất				
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn				
	- Chi khác				

1.7	Số dư cuối năm				
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)				
2	Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)				
	<i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>				
2.1	Quản lý ngoài giờ chính khóa				
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	350.037			
2.1.2	Mức thu : 7.000đ/ tiết				
2.1.3	Tổng số thu trong năm	633.812.340			
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	634.162.377			
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	634.162.377			
2.1.6	Số chi trong năm	632.486.969			
	Trong đó: - Chi cho giáo viên	433.668.638			
	- Chi nộp thuế	12.676.246			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	109.966.440			
	- Chi BV,PV	10.457.903			
	- Chi hỗ trợ CSVC	65.717.742			
2.1.7	Số dư cuối năm	1.675.408			
3	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)				
3.1				
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang				
3.1.2	Tổng số thu trong năm				
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
3.1.5	Số chi trong năm				
	Trong đó: -				
	-				
	-				
3.1.6	Số dư cuối năm				

				
4	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)				
4.1.	chăm sóc bán trú				
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	16.054			
4.1.2	Mức thu : 100.000đ/ tháng				
4.1.3	Tổng số thu trong năm	185.444.112			
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	185.460.166			
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	185.460.166			
4.1.6	Số chi trong năm	181.509.738			
	Trong đó: - Chi cho người chăm ăn, trông trưa	139.083.084			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	26.889.396			
	- Chi nộp thuế	3.708.882			
	- Chi phục vụ, giám sát				
	- Chi phúc lợi, CSVC	11.828.376			
	Số dư cuối năm	3.950.428			
4.2.	Trông giữ xe				
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	23.093.000			
4.2.2	Mức thu 20.000đ/tháng				
4.2.3	Tổng số thu trong năm	45.130.000			
4.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	68.223.000			
4.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	68.223.000			
4.2.6	Số chi trong năm	27.030.820			
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	24.821.500			
	- Chi quản lý BGH, quản lý quỹ				
	- Chi hỗ trợ CSVC				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	2.209.320			
4.2.7	Số dư cuối năm	41.192.180			
4.2.3	Hỗ trợ cơ sở vật chất hai buổi				
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang				
4.3.2	Mức thu 20.000đ/tháng				
4.3.3	Tổng số thu trong năm				

4.3.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
4.3.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
4.3.6	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi cho người tham gia				
	- Chi quản lý BGH, quản lý quỹ				
	- Chi hỗ trợ CSVN				
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước				
4.3.7	Số dư cuối năm				
5	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây				
5.1	Tiếng Anh yếu tố nước ngoài				
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.609.602			
5.1.2	Mức thu : 35.000đ/ tiết				
5.1.3	Tổng số thu trong năm	363.564.680			
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	365.174.282			
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	365.174.282			
5.1.6	Số chi trong năm	350.115.211			
	Trong đó: - Chi nộp công ty	305.394.331			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	29.661.809			
5.1.7	Số dư cuối năm	15.059.071			
	Kỹ năng sống				
	Số dư năm trước chuyển sang	4.300.920			
	Mức thu : 10.000đ/ tiết				
	Tổng số thu trong năm	296.354.300			
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	300.655.220			
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾	300.655.220			
	Số chi trong năm	275.928.812			
	Trong đó: - Chi nộp công ty	248.937.612			
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	26.991.200			
	Số dư cuối năm	24.276.408			

	Tiếng Anh Fonic				
	Số dư năm trước chuyển sang				
	Mức thu : 0đ/ tháng				
	Tổng số thu trong năm				
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm				
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽³⁾				
	Số chi trong năm				
	Trong đó: - Chi nộp công ty				
	- Chi nộp ngân sách NN				
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo				
	Số dư cuối năm				
				
6	Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, (Nếu có: <i>Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây</i>)				
6.1	BHYT				
6.1.1	Số học sinh				
6.1.2	Mức thu lớp 1 là 1,105,650đ, lớp 2-5 là 884.520đ				
6.1.3	Tổng thu	536.763.150			
6.1.4	Đã chi	536.763.150			
6.1.5	Dư	0			
6.2	Vòng tay bè bạn(đội, tin nhắn, trải nghiệm)				
	Số học sinh				
	Mức thu : tùy vận động				
	Tổng thu	46.965.000			
	Đã chi	34.269.000			
	Dư	12.696.000			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				

	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi quản lý hành chính				
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Học phí				
2	Học nghề				
3	Học Tiếng Anh nước ngoài				
4	Học kỹ năng sống				
5	Trông giữ xe				
6	Tiếng anh yếu tố nước ngoài				
7	Quản lý ngoài giờ				
8	Chăm sóc bán trú				
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				

	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi tham quan học tập				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi thanh toán cá nhân				
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn				
	Chi mua sắm sửa chữa				
	Chi khác				
II	Nguồn viện trợ				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác giáo dục STEM

* Công tác chỉ đạo.

Nhằm thúc đẩy việc triển khai công tác giáo dục về STEM trong chương trình GDPT mới, thời gian qua, nhà trường đã lan tỏa chương trình tập huấn STEM cho GV. Chương trình tập huấn nhằm cung cấp cho giáo viên phương pháp hỗ trợ học sinh nâng cao kiến thức chuyên môn và liên môn, phát triển tư duy, kỹ năng làm việc nhóm cũng như cá nhân trong quá trình học tập.

Xây dựng Kế hoạch ngay từ đầu năm cho tổ chuyên môn. Yêu cầu mỗi giáo viên lập kế hoạch bộ môn có sự phê duyệt của BGH.

* *Kết quả đã đạt:* Trong năm học qua nhà trường đã chỉ đạo lên lớp 25 tiết dạy học STEM với nhiều sản phẩm phong phú.

* *Những tồn tại hạn chế:* Còn một số bộ phận GV ngại đổi mới chưa mạnh dạn thực hiện triển khai công tác này.

2. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* Công tác chỉ đạo.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* *Kết quả đã đạt:* Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

* *Những tồn tại hạn chế:* Do tình trạng tinh giản nên việc một số bộ phận phụ trách còn chùng chéo công việc, không chuyên sâu ảnh hưởng khó khăn trong công tác chỉ đạo.

Trên đây là Báo cáo về việc công khai các hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 của trường Tiểu học Tiên Minh, nhà trường công khai đến Cha mẹ học sinh, đội ngũ CB,GV,NV nhà trường để nắm bắt và tiếp tục hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục trong năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- BCĐ thực hiện công khai;
- Trang Web nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Bấy